

UBND TỈNH HƯNG YÊN
SỞ NỘI VỤ

DANH SÁCH

Thống nhất bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế từ hạng IV lên hạng III trong các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trực thuộc Sở Y tế Hưng Yên năm 2024

(Ban hành kèm theo Công văn số /SNV-CCVC ngày // 2025 của Sở Nội vụ)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị công tác	Chức danh nghề nghiệp, mức lương hiện hưởng						Chức danh nghề nghiệp, mức lương mới được bổ nhiệm							
					Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Bậc	Hệ số lương	Vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Mốc tính nâng bậc lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp mới	Mã số chức danh nghề nghiệp mới	Bậc	Hệ số lương	Vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Mốc tính nâng bậc lương lần sau
I	Thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp bác sĩ (hạng III) (mã số V.08.01.03)																	
1	Nguyễn Văn Chức	18/5/1989	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Ân Thi	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	5	2,66			01/10/2023	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	2	2,67			01/10/2023
2	Đỗ Thị Phương Liên	20/4/1991	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Khoái Châu	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	6	2,86			01/3/2024	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	3	3,00			01/3/2024
3	Phạm Tuấn Hùng	26/10/1988	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Khoái Châu	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	6	2,86			01/3/2024	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	3	3,00			01/3/2024
4	Trần Thị Hậu	07/11/1991	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Khoái Châu	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	7	3,06			01/10/2024	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	4	3,33			kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới
5	Phạm Duy Hưng	02/9/1991	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Khoái Châu	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	5	2,66			01/02/2023	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	2	2,67			01/02/2023

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị công tác	Chức danh nghề nghiệp, mức lương hiện hưởng							Chức danh nghề nghiệp, mức lương mới được bổ nhiệm						
					Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Bậc	Hệ số lương	Vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Mốc tính nâng bậc lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp mới	Mã số chức danh nghề nghiệp mới	Bậc	Hệ số lương	Vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Mốc tính nâng bậc lương lần sau
6	Nguyễn Văn Minh	05/3/1990	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Khoái Châu	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	5	2,66			01/01/2023	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	2	2,67			01/01/2023
7	Đào Tuấn Anh	21/11/1992	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Khoái Châu	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	5	2,66			01/01/2023	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	2	2,67			01/01/2023
8	Nguyễn Thanh Hải	17/12/1994	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Văn Lâm	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	5	2,66			01/10/2023	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	2	2,67			01/10/2023
9	Lê Hữu Hiệp	23/11/1991	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Yên Mỹ	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	7	3,06			01/10/2024	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	4	3,33			kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới
10	Lưu Ngọc Phương	19/10/1991	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Yên Mỹ	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	6	2,86			01/3/2024	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	3	3,00			01/3/2024
11	Trần Anh Tuấn	03/02/1985	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Yên Mỹ	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	5	2,66			01/02/2023	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	2	2,67			01/02/2023
12	Trần Văn Hoàng	19/6/1984	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Yên Mỹ	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	5	2,66			01/02/2023	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	2	2,67			01/02/2023

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị công tác	Chức danh nghề nghiệp, mức lương hiện hưởng							Chức danh nghề nghiệp, mức lương mới được bổ nhiệm						
					Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Bậc	Hệ số lương	Vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Mốc tính nâng bậc lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp mới	Mã số chức danh nghề nghiệp mới	Bậc	Hệ số lương	Vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Mốc tính nâng bậc lương lần sau
13	Đàm Thanh Tuấn	07/01/1983	Phó trưởng Trạm Y tế xã Xuân Quan	Trung tâm Y tế huyện Văn Giang	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	9	3,46			01/5/2024	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	5	3,66			kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới
II	Thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp Dược sĩ (mã số V.08.08.22)																	
1	Trần Bá Đông	15/10/1991	Viên chức	Bệnh viện Phổi Hưng Yên	Dược hạng IV	V.08.08.23	3	2,72			01/02/2024	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	3	3,00			01/02/2024
2	Lê Quang Hạnh	20/3/1974	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Ân Thi	Dược hạng IV	V.08.08.23	9	4,58			05/9/2024	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	8	4,65			05/9/2024
3	Hoàng Thị Duyên	07/6/1986	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Ân Thi	Dược hạng IV	V.08.08.23	5	3,34			01/10/2022	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	5	3,66			kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới
4	Phạm Thị Hồng Len	29/5/1971	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Kim Động	Dược hạng IV	V.08.08.23	8	4,27			09/12/2024	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	7	4,32			09/12/2024
5	Nguyễn Hải Yến	05/4/1993	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Yên Mỹ	Dược hạng IV	V.08.08.23	2	2,41			01/10/2022	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	2	2,67			01/10/2022
III	Thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp điều dưỡng hạng III (mã số V.08.05.12)																	

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị công tác	Chức danh nghề nghiệp, mức lương hiện hưởng							Chức danh nghề nghiệp, mức lương mới được bổ nhiệm						
					Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Bậc	Hệ số lương	Vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Mốc tính nâng bậc lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp mới	Mã số chức danh nghề nghiệp mới	Bậc	Hệ số lương	Vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Mốc tính nâng bậc lương lần sau
1	Lưu Thị Kim Chung	27/10/1979	Viên chức	Bệnh viện Mắt Hưng Yên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	6	3,65			01/8/2022	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	5	3,66			01/8/2022
2	Lâm Thị Ngát	04/10/1983	Viên chức	Bệnh viện Mắt Hưng Yên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	5	3,34			01/02/2024	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	5	3,66			kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới
3	Vũ Lan Anh	13/5/1984	Viên chức	Bệnh viện Mắt Hưng Yên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	5	3,34			01/4/2022	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	5	3,66			kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới
4	Nguyễn Thị Lộc	11/02/1990	Viên chức	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới tỉnh Hưng Yên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	6	2,86			01/01/2024	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	3	3,00			01/01/2024
5	Nguyễn Thị Tuyết Mai	12/8/1989	Viên chức	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới tỉnh Hưng Yên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	5	2,66			01/6/2024	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	2	2,67			01/6/2024
6	Tạ Thị Hậu	19/8/1993	Viên chức	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới tỉnh Hưng Yên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	5	2,66			01/6/2024	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	2	2,67			01/6/2024
7	Hoàng Thị Huế	30/12/1992	Viên chức	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới tỉnh Hưng Yên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	5	2,66			01/6/2024	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	2	2,67			01/6/2024

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị công tác	Chức danh nghề nghiệp, mức lương hiện hưởng							Chức danh nghề nghiệp, mức lương mới được bổ nhiệm						
					Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Bậc	Hệ số lương	Vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Mốc tính nâng bậc lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp mới	Mã số chức danh nghề nghiệp mới	Bậc	Hệ số lương	Vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Mốc tính nâng bậc lương lần sau
8	Nguyễn Thị Loan	10/02/1991	Viên chức	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới tỉnh Hưng Yên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	5	2,66			01/10/2023	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	2	2,67			01/10/2023
9	Bùi Văn Hiệp	22/10/1990	Viên chức	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới tỉnh Hưng Yên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	5	2,66			01/10/2023	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	2	2,67			01/10/2023
10	Trần Thị Xoan	29/3/1993	Viên chức	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới tỉnh Hưng Yên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	5	2,66			01/10/2023	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	2	2,67			01/10/2023
11	Hoàng Thị Như Huế	02/01/1989	Viên chức	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới tỉnh Hưng Yên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	6	2,86			01/9/2023	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	3	3,00			01/9/2023
12	Phạm Thị Kim Thúy	18/6/1979	Viên chức	Bệnh viện Phổi Hưng Yên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	7	3,96			01/02/2024	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	6	3,99			01/02/2024
13	Nguyễn Thị Hanh	14/10/1984	Viên chức	Bệnh viện Phổi Hưng Yên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	5	3,34			01/7/2023	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	5	3,66			kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới
14	Trần Đình Việt	19/10/1986	Viên chức	Bệnh viện Phổi Hưng Yên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	5	3,34			01/01/2023	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	5	3,66			kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị công tác	Chức danh nghề nghiệp, mức lương hiện hưởng							Chức danh nghề nghiệp, mức lương mới được bổ nhiệm						
					Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Bậc	Hệ số lương	Vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Mốc tính nâng bậc lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp mới	Mã số chức danh nghề nghiệp mới	Bậc	Hệ số lương	Vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Mốc tính nâng bậc lương lần sau
15	Phạm Thị Linh	02/02/1982	Viên chức	Bệnh viện Phổi Hưng Yên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	5	3,34			01/12/2023	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	5	3,66			kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới
16	Lê Thị Nhân	12/3/1987	Viên chức	Bệnh viện Phổi Hưng Yên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	5	3,34			01/02/2024	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	5	3,66			kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới
17	Trần Thị Trang	25/9/1990	Viên chức	Bệnh viện Phổi Hưng Yên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	4	3,03			01/10/2022	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	4	3,33			01/10/2022
18	Hoàng Thị Nguyên	30/5/1989	Viên chức	Bệnh viện Phổi Hưng Yên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	4	3,03			01/10/2022	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	4	3,33			01/10/2022
19	Nguyễn Thị Nguyệt	28/3/1987	Viên chức	Bệnh viện Phổi Hưng Yên	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	5	3,34			01/10/2024	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	5	3,66			kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới
20	Mai Thị Hường	14/5/1992		Trung tâm Pháp y và Giám định y khoa	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	3	2,72			01/01/2023	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	3	3,00			01/01/2023

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị công tác	Chức danh nghề nghiệp, mức lương hiện hưởng							Chức danh nghề nghiệp, mức lương mới được bổ nhiệm						
					Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Bậc	Hệ số lương	Vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Mốc tính nâng bậc lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp mới	Mã số chức danh nghề nghiệp mới	Bậc	Hệ số lương	Vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Mốc tính nâng bậc lương lần sau
21	Trần Thị Lụa	16/8/1981	Viên chức	Trung tâm Bảo vệ, Chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	5	3,34			01/02/2024	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	5	3,66			kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới
22	Nguyễn Ngọc Ánh	10/7/1995	Viên chức	Trung tâm Bảo vệ, Chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	3	2,72			01/02/2024	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	3	3,00			01/02/2024
23	Trần Thị Phương	08/8/1984	Viên chức	Trung tâm Bảo vệ, Chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	5	3,34			01/8/2023	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	5	3,66			kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới
24	An Cao Sơn	28/02/1989	Viên chức	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	6	2,86			01/01/2025	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	3	3,00			01/01/2025
25	Nguyễn Thị Dung	20/11/1988	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Tiên Lữ	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	4	3,03			01/7/2023	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	4	3,33			01/7/2023
26	Lê Thị Thanh Vân	17/5/1977	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Tiên Lữ	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	7	3,96			01/10/2022	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	6	3,99			01/10/2022
27	Nguyễn Thị Báu	13/11/1981	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Tiên Lữ	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	6	3,65			01/8/2023	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	5	3,66			01/8/2023

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị công tác	Chức danh nghề nghiệp, mức lương hiện hưởng							Chức danh nghề nghiệp, mức lương mới được bổ nhiệm						
					Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Bậc	Hệ số lương	Vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Mốc tính nâng bậc lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp mới	Mã số chức danh nghề nghiệp mới	Bậc	Hệ số lương	Vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Mốc tính nâng bậc lương lần sau
28	Trần Thị Vân	01/7/1984	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Tiên Lữ	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	4	3,03			01/12/2022	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	4	3,33			01/12/2022
29	Lương Thị Hồng	10/12/1992	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Tiên Lữ	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	3	2,72			01/01/2023	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	3	3,00			01/01/2023
30	Nguyễn Thị Nhài	20/6/1983	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Phù Cừ	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	5	3,34			17/6/2024	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	5	3,66			kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới
31	Ngô Thị Nga	23/6/1987	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Phù Cừ	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	5	3,34			01/12/2023	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	5	3,66			kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới
32	Vũ Thanh Loan	01/5/1985	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Phù Cừ	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	5	3,34			17/6/2024	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	5	3,66			kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới
33	Vũ Thị Thắm	29/9/1993	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Phù Cừ	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	4	3,03			01/10/2023	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	4	3,33			01/10/2023
34	Nguyễn Thị Hiên	26/5/1971	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Phù Cừ	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	10	4,89			01/10/2023	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	9	4,98			01/10/2023

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị công tác	Chức danh nghề nghiệp, mức lương hiện hưởng							Chức danh nghề nghiệp, mức lương mới được bổ nhiệm						
					Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Bậc	Hệ số lương	Vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Mốc tính nâng bậc lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp mới	Mã số chức danh nghề nghiệp mới	Bậc	Hệ số lương	Vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Mốc tính nâng bậc lương lần sau
35	Trần Thị Thu Hiền	14/3/1992	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Phù Cừ	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	3	2,72			17/6/2024	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	3	3,00			17/6/2024
36	Nguyễn Thị Huệ	15/01/1995	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Phù Cừ	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	3	2,72			17/6/2024	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	3	3,00			17/6/2024
37	Đào Thị Oanh	20/9/1986	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Ân Thi	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	5	3,34			01/12/2023	Điều dưỡng hạng III	V08.05.12	5	3,66			kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới
38	Đặng Thị Châm	10/02/1992	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Ân Thi	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	3	2,72			01/9/2022	Điều dưỡng hạng III	V08.05.12	3	3,00			01/9/2022
39	Lê Thị Thanh Huệ	10/4/1990	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Kim Động	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	3	2,72			01/6/2023	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	3	3,00			01/6/2023
40	Trần Thị Liễu	19/9/1973	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Khoái Châu	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	9	4,58			01/6/2023	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	8	4,65			01/6/2023
41	Đàm Thị Hòa	19/8/1985	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Khoái Châu	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	6	3,65			01/11/2024	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	5	3,66			01/11/2024
42	Nguyễn Thị Mây	04/12/1988	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Khoái Châu	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	2	2,41			01/10/2022	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	2	2,67			01/10/2022

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị công tác	Chức danh nghề nghiệp, mức lương hiện hưởng							Chức danh nghề nghiệp, mức lương mới được bổ nhiệm						
					Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Bậc	Hệ số lương	Vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Mốc tính nâng bậc lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp mới	Mã số chức danh nghề nghiệp mới	Bậc	Hệ số lương	Vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Mốc tính nâng bậc lương lần sau
43	Đỗ Thị Huệ	01/10/1982	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Khoái Châu	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	6	3,65			01/10/2022	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	5	3,66			01/10/2022
44	Nguyễn Thị Thủy	23/7/1985	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Khoái Châu	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	4	3,03			01/9/2022	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	4	3,33			01/9/2022
45	Phan Thị Tuyền	04/6/1988	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Khoái Châu	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	2	2,41			01/10/2022	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	2	2,67			01/10/2022
46	Trịnh Thị Nga	07/10/1993	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Văn Giang	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	6	2,86			01/10/2023	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	3	3,00			01/10/2023
47	Nguyễn Tiến Chiến	11/5/1991	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Văn Giang	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	4	3,03			01/8/2023	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	4	3,33			01/8/2023
48	Đinh Thị Thu Hà	26/3/1994	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Văn Giang	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	3	2,26			01/4/2023	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	1	2,34			01/4/2023
49	Nguyễn Thị Thu Thủy	26/9/1990	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Văn Lâm	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	4	3,03			01/7/2024	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	4	3,33			01/7/2024
50	Nguyễn Thị Trang	15/12/1992	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Văn Lâm	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	3	2,72			14/11/2024	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	3	3,00			14/11/2024
51	Khúc Thị Hương	20/6/1989	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Văn Lâm	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	3	2,72			14/11/2024	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	3	3,00			14/11/2024

[illegible]

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị công tác	Chức danh nghề nghiệp, mức lương hiện hưởng							Chức danh nghề nghiệp, mức lương mới được bổ nhiệm						
					Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Bậc	Hệ số lương	Vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Mốc tính nâng bậc lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp mới	Mã số chức danh nghề nghiệp mới	Bậc	Hệ số lương	Vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Mốc tính nâng bậc lương lần sau
1	Đào Thị Kim Thanh	05/01/1983	Viên chức	Trung tâm Y tế thành phố Hưng Yên	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	8	3,26			01/10/2024	Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	4	3,33			01/10/2024
2	Trần Thị Thơm	21/9/1977	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Tiên Lữ	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	7	3,96			01/4/2022	Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	6	3,99			01/4/2022
3	Phạm Thị Quỳnh Anh	24/01/1993	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Kim Động	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	3	2,72			01/01/2023	Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	3	3,00			01/01/2023
4	Trần Thị Hồng Hào	14/01/1983	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Khoái Châu	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	5	3,34			05/9/2024	Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	5	3,66			kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới
5	Cao Thị Uyên	29/01/1986	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Khoái Châu	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	3	2,72			01/7/2022	Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	3	3,00			01/7/2022
6	Lê Thị Hồng Ny	14/3/1990	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Khoái Châu	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	5	3,34			05/9/2024	Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	5	3,66			kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới
7	Trịnh Thị Huyền	25/3/1990	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Khoái Châu	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	3	2,72			01/12/2023	Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	3	3,00			01/12/2023
V	Thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp Kỹ thuật y hạng III (mã số V.08.07.18)																	

[illegible]

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị công tác	Chức danh nghề nghiệp, mức lương hiện hưởng							Chức danh nghề nghiệp, mức lương mới được bổ nhiệm						
					Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Bậc	Hệ số lương	Vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Mốc tính nâng bậc lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp mới	Mã số chức danh nghề nghiệp mới	Bậc	Hệ số lương	Vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Mốc tính nâng bậc lương lần sau
1	Nguyễn Thị Hiền	27/6/1988	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Kim Động	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	5	3,34			01/4/2024	Dân số viên hạng III	V.08.10.28	5	3,66			kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới
2	Trương Thị Thoan	21/4/1987	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Yên Mỹ	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	5	3,34			01/9/2022	Dân số viên hạng III	V.08.10.28	5	3,66			kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới
VII	Thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp Y tế công cộng (hạng III) (mã số V.08.04.10)																	
1	Mai Thị Định	30/9/1982	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Kim Động	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	9	3,46			01/12/2023	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	5	3,66			kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới
2	Đỗ Thị Chí	12/8/1978	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Yên Mỹ	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	12	4,06			01/3/2024	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	7	4,32			kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới
3	Đặng Hải Nam	25/12/1979	Viên chức	Trung tâm Y tế huyện Yên Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	7	3,06			01/10/2023	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	4	3,33			kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Đơn vị công tác	Chức danh nghề nghiệp, mức lương hiện hưởng							Chức danh nghề nghiệp, mức lương mới được bổ nhiệm						
					Chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Bậc	Hệ số lương	Vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Mốc tính nâng bậc lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp mới	Mã số chức danh nghề nghiệp mới	Bậc	Hệ số lương	Vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Mốc tính nâng bậc lương lần sau
4	Nguyễn Thị Ngọc Lan	04/11/1979	Phó trưởng Trạm y tế xã Hồng Nam	Trung tâm Y tế thành phố Hưng Yên	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	12	4,06	7%		01/5/2024	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	8	4,65			kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới
5	Chu Văn Chuân	14/02/1985	Phó Trưởng trạm y tế xã Nguyễn	Trung tâm Y tế huyện Ân Thi	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	6	2,86			01/8/2024	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	3	3,00			01/8/2024
6	Nguyễn Xuân Xuyên	27/8/1965	Phó Trưởng trạm y tế xã Quang Vinh	Trung tâm Y tế huyện Ân Thi	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	12	4,06	6%		01/7/2024	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	7	4,32			kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới
7	Nguyễn Thị Bích Ngọc	20/10/1973	Phó Trưởng trạm y tế xã Đại Tập	Trung tâm Y tế huyện Khoái Châu	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	12	4,06			01/7/2023	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	7	4,32			kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới
8	Vũ Thị Loan	28/12/1986	Phó trưởng Trạm y tế xã Ngọc Lâm	Trung tâm Y tế thị xã Mỹ Hào	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	7	3,06			01/5/2024	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	4	3,33			kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới
9	Nguyễn Thị Tuyết Mai	24/02/1981	Phó trưởng Trạm y tế xã Hưng Long	Trung tâm Y tế thị xã Mỹ Hào	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	9	3,46			01/6/2024	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	5	3,66			kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới